HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

NỘI CÁC U-CRAI-NA

VỀ VIỆC NHẬN TRỞ LẠI CÔNG DÂN HAI NƯỚC

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nội các U-crai-na (sau đây gọi là các Bên ký kết),

Mong muốn tăng cường hơn nữa quan hệ hợp tác hữu nghị song phương và bảo đảm thực hiện có hiệu quả hơn các quy định liên quan đến việc đi lại của công dân của hai nước,

Nhằm ngăn ngừa tình trạng di cư bất hợp pháp,

Trên cơ sở có đi có lại,

Đã thoả thuận như sau:

Điều 1
Nhận trở lại công dân của hai nước

1. Phù hợp với các quy định của Hiệp định này, theo yêu cầu của một Bên ký kết, Bên ký kết kia nhận trở lại những người không hoặc không còn đáp ứng các quy định pháp luật về nhập cảnh hoặc cư trú trên lãnh thổ của Bên ký kết yêu cầu (sau đây gọi là "người trở về").

2. Bên ký kết yêu cầu nhận trở lại ngay mà không cần thủ tục đặc biệt nào người trở về nếu qua xác minh của cơ quan có thẩm quyền người đó không có quốc tịch của Bên ký kết được yêu cầu hoặc không đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 2 Hiệp định này.

Điều 2
Đối tượng và điều kiện nhận trở lại

1. Phù hợp với các quy định tại khoản 1 Điều 1, mỗi Bên ký kết nhận trở lại người trở về, nếu sau khi xác minh, người đó đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có quốc tịch của Bên ký kết được yêu cầu và không đồng thời có quốc tịch của nước Bên ký kết yêu cầu hoặc quốc tịch của bất kỳ nước nào khác;

b) Vào bất kỳ thời điểm nào trước khi nhập cảnh lãnh thổ Bên ký kết yêu cầu, người đó có nơi thường trú hợp pháp trên lãnh thổ của nước Bên ký kết được yêu cầu và không có nơi thường trú ở nước thứ ba;

c) Là đối tượng bị trục xuất theo lệnh trục xuất có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết yêu cầu phù hợp với pháp luật nước đó.

2. Nếu người trở về có giấy phép nhập cảnh hoặc cư trú tại một nước thứ ba, Bên ký kết yêu cầu phải tạo điều kiện để người trở về được quay trở lại nước đó và không được chuyển giao người này cho Bên ký kết được yêu cầu.

Điều 3
Những quyền hợp pháp của người trở về

1. Việc trao trả và tiếp nhận người trở về phải được thực hiện phù hợp với pháp luật của các Bên ký kết và luật pháp quốc tế, bảo đảm các nguyên tắc trật tự, an toàn, tôn trọng nhân phẩm, có tính đến khía cạnh nhân đạo, tính thống nhất gia đình của người trở về.

2. Nếu người trở về có lý do chứng minh sự cần thiết phải giải quyết các vấn đề cá nhân hoặc tài sản của mình, Bên ký kết yêu cầu phải cho phép người đó, trước khi bị chuyển giao, được ở lại thêm trong một thời gian xác định để giải quyết những vấn đề này trên cơ sở từng trường hợp cụ thể.

3. Phù hợp với pháp luật của nước Bên ký kết yêu cầu, người trở về có quyền mang theo hoặc chuyển về nước mình toàn bộ tiền, tài sản và các công cụ thanh toán khác mà người này có được một cách hợp pháp trong thời gian cư trú trên lãnh thổ Bên ký kết yêu cầu.

Điều 4
Thủ tục nhận trở lại

1. Bên ký kết được yêu cầu trả lời đề nghị nhận trở lại của Bên ký kết yêu cầu trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị. Bên ký kết được yêu cầu sẽ cố gắng rút ngắn thời gian trả lời trong trường hợp nhận được thông báo của Bên ký kết yêu cầu về việc người trở về đang bị tạm giữ tại một cơ sở được canh phòng hoặc đang bị tạm giữ để trục xuất.

2. Bên ký kết yêu cầu phải thông báo cho Bên ký kết được yêu cầu về ngày dự kiến chuyển giao ít nhất là 7 ngày trước ngày chuyển giao người trở về.

3. Bên ký kết được yêu cầu phải thông báo cho Bên ký kết yêu cầu về việc nhận trở lại quy định tại khoản 2 Điều 1 trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày chuyển giao, trừ trường hợp vào ngày chuyển giao người trở về không có quốc tịch của nước Bên ký kết được yêu cầu.

Điều 5
Chi phí

1. Bên ký kết yêu cầu chịu mọi chi phí vận chuyển người trở về được xác định tại Điều 1 tới cửa khẩu của Bên ký kết được yêu cầu và mọi chi phí liên quan đến việc nhận trở lại đối với những trường hợp xác minh và chuyển giao nhầm quy định tại khoản 2 Điều 1.

2. Nhằm thực hiện có hiệu quả các quy định của Hiệp định này, các Bên ký kết hợp tác trong việc trao đổi chuyên gia, kinh nghiệm, tiến hành các hình thức đào tạo và hỗ trợ nhau về mặt tổ chức, kỹ thuật và công nghệ.

Điều 6
Bảo mật dữ liệu

1. Những dữ liệu cá nhân cần thiết để thực hiện Hiệp định này có thể bao gồm:

a) Thông tin về nhân thân của người trở về và nếu cần của thành viên gia đình người đó, cụ thể là: họ tên, các họ tên sử dụng trước đây (nếu có), bí danh, biệt hiệu, các tên khác (nếu có), ngày và nơi sinh, giới tính, quốc tịch hiện nay và trước kia;

b) Hộ chiếu, chứng minh thư, các giấy tờ khác dùng để khẳng định hoặc xác định nhân thân, các giấy tờ có giá trị qua lại biên giới (số, ngày, nơi cấp, cơ quan cấp, thời hạn, giá trị v.v...);

c) Những thông tin khác cần thiết cho việc xác minh nhân thân người trở về;

d) Những nơi đã cư trú và mô tả về hành trình chuyến đi;

e) Giấy phép cư trú hoặc thị thực được cấp;

f) Các giấy tờ khác để xác minh nhân thân (nếu có) mà có thể được sử dụng để kiểm tra các điều kiện nhận trở lại người trở về theo Hiệp định này.

2. Việc chuyển giao những dữ liệu cá nhân được thực hiện phù hợp với pháp luật của mỗi Bên ký kết và theo những nguyên tắc sau:

a) Những dữ liệu cá nhân chỉ được sử dụng vào mục đích và theo những điều kiện do cơ quan hoặc nhà chức trách chuyển giao quy định;

b) Theo yêu cầu của cơ quan hoặc nhà chức trách chuyển giao, cơ quan hoặc nhà chức trách tiếp nhận dữ liệu phải thông báo cho cơ quan hoặc nhà chức trách chuyển giao cách thức sử dụng các dữ liệu đã được chuyển giao và kết quả đạt được;

c) Chỉ có thể chuyển giao những dữ liệu cá nhân cho nhà chức trách hoặc cơ quan có thẩm quyền. Việc chuyển giao tiếp cho nhà chức trách hoặc cơ quan khác chỉ được thực hiện nếu có sự đồng ý trước của nhà chức trách hoặc cơ quan chuyển giao dữ liệu;

d) Cơ quan hoặc nhà chức trách chuyển giao có trách nhiệm lưu ý đến tính chính xác của những dữ liệu được chuyển giao, cũng như mức độ cần thiết và thích hợp của việc chuyển giao những dữ liệu đó vì những mục đích theo dự định. Những quy định cấm chuyển giao dữ liệu đang có hiệu lực theo pháp luật của nước chuyển giao dữ liệu phải được tuân thủ. Trong trường hợp chuyển giao những dữ liệu không đúng hoặc bị cấm chuyển giao, cơ quan hoặc nhà chức trách tiếp nhận dữ liệu phải được thông báo ngay và có trách nhiệm sửa đổi hoặc hủy bỏ các dữ liệu đó;

e) Cơ quan hoặc nhà chức trách chuyển giao và cơ quan hoặc nhà chức trách tiếp nhận dữ liệu phải lập hồ sơ về việc chuyển giao và tiếp nhận các dữ liệu cá nhân;

f) Cơ quan hoặc nhà chức trách chuyển giao và cơ quan hoặc nhà chức trách tiếp nhận dữ liệu phải bảo vệ có hiệu quả các dữ liệu cá nhân được chuyển giao, ngăn chặn người không có phận sự được tiếp cận, thay đổi hoặc tiết lộ dữ liệu đó.

Điều 7
Điều khoản thi hành

1. Nhằm thực hiện những quy định của Hiệp định này, hai Bên ký kết sẽ ký Nghị định thư thực hiện Hiệp định này trong thời hạn 180 ngày kể từ ngày ký Hiệp định, trong đó sẽ xác định:

a) Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện những điều khoản cụ thể của Hiệp định này;

b) Địa điểm chuyển giao và tiếp nhận công dân;

c) Những dữ liệu cần thiết và thông tin về việc quá cảnh, tiếp nhận, đi kèm người trở về và trình tự thực hiện các thủ tục cần thiết.

2. Không áp dụng các quy định của Hiệp định này đối với những công dân của một Bên ký kết đã nhập cảnh lãnh thổ Bên ký kết kia trước ngày Hiệp định này có hiệu lực.

3. Các quy định của Hiệp định này không ảnh hưởng đến các quyền và nghĩa vụ của mỗi Bên ký kết theo các điều ước quốc tế khác mà Bên ký kết đó là thành viên.

Điều 8
Hiệu lực

1. Hiệp định này phải được phê duyệt hoặc phê chuẩn phù hợp với pháp luật quốc gia của mỗi Bên ký kết và việc này phải được khẳng định thông qua trao đổi công hàm ngoại giao. Hiệp định này có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày nhận được công hàm sau cùng thông báo về việc phê duyệt hoặc phê chuẩn nói trên.

2. Hiệp định này có hiệu lực vô thời hạn. Mỗi Bên ký kết có thể chấm dứt hiệu lực Hiệp định này bằng cách thông báo bằng công hàm. Trong trường hợp đó, Hiệp định này sẽ chấm dứt hiệu lực sau 90 ngày kể từ ngày nhận được công hàm thông báo chấm dứt hiệu lực.

3. Hiệp định này có thể được sửa đổi, bổ sung bằng văn bản theo sự thỏa thuận của các Bên ký kết.

Điều 9
Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp phát sinh từ việc giải thích và thực hiện Hiệp định này sẽ được giải quyết trên cơ sở thỏa thuận giữa các cơ quan có thẩm quyền được xác định trong Nghị định thư thực hiện Hiệp định. Trong trường hợp không đạt được thỏa thuận, tranh chấp sẽ được giải quyết qua đường ngoại giao.

Để làm bằng, những người đại diện được ủy quyền hợp lệ đã ký Hiệp định này.

Làm tại Nữu ước ngày 25 tháng 9 năm 2007 thành hai bản gốc, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng U-crai-na và tiếng Anh, tất cả các văn bản có giá trị như nhau. Trường hợp có sự giải thích khác nhau thì văn bản tiếng Anh sẽ được dùng để đối chiếu.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	**THAY MẶT NỘI CÁC U-CRAI-NA**
PHẠM GIA KHIÊM	**A. YATSENYUK**
Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao	**Bộ trưởng Bộ Ngoại giao**

УГОДА

Між

Урядом Соціалістичної Республіки В'єтнам

Та

Кабінетом Міністрів України

Про

реадмісію громадян обох держав

Уряд Соціалістичної Республіки В'єтнам та Кабінет Міністрів України, які далі йменуються Договірні Сторони,

бажаючи сприяти двостороннім дружнім відносинам і співробітництву та забезпечувати ефективнішу імплементацію законодавства, що стосується переміщення громадян обох держав Договірних Сторін,

з метою запобігання нелегальній міграції,

на основі взаємності,

домовилися про таке:

Стаття 1
Реадмісія громадян обох держав

1. Відповідно до положень цієї Угоди та на запит однієї Договірної Сторони, інша Договірна Сторона здійснює реадмісію осіб, які не виконують чи більше не виконують правові вимоги стосовно в'їзду чи перебування на території держави запитуючої Договірної Сторони, далі - осіб, які підлягають реадмісії.

2. Запитуюча Договірна Сторона негайно та без будь-яких спеціальних процедур здійснює реадмісію осіб, які підлягають реадмісії та які, відповідно до результатів перевірки компетентними органами, не є громадянами держави запитуваної Договірної Сторони або не відповідають вимогам, передбаченим у статті 2 цієї Угоди.

Стаття 2
Відповідність вимогам та умови реадмісії

1. Кожна Договірна Сторона, відповідно до пункту 1 статті 1, здійснює реадмісію осіб, які підлягають реадмісії та які, відповідно до результатів перевірки, відповідають таким вимогам:

a) мають громадянство держави запитуваної Договірної Сторони, одночасно не маючи громадянства держави запитуючої Договірної Сторони чи будь-якої іншої держави;

b) будь-коли до їхнього в'їзду на територію держави запитуючої Договірної Сторони мали законне постійне місце проживання на території держави запитуваної сторони та не мають постійного місця проживання в третій країні;

c) підлягають чинному наказу про депортацію згідно із національним законодавством держави запитуючої Договірної Сторони.

2. Якщо особа, яка підлягає реадмісії, має дійсний дозвіл на в'їзд та перебування в третій державі, запитуюча Договірна Сторона надає особі, яка підлягає реадмісії, можливість переїхати до цієї держави та утримується від передачі цієї особи запитаній Договірній Стороні.

Стаття 3
Законні права осіб, які підлягають реадмісії

1. Передача та прийняття осіб, які підлягають реадмісії, організуються відповідно до національного законодавства держав Договірних Сторін та міжнародного права, а також гарантованих принципів порядку, безпеки та гідності, з урахуванням гуманітарних аспектів і єдності сім'ї осіб, які підлягають реадмісії.

2. Якщо особа, яка підлягає реадмісії, надає докази того, що їй потрібно владнати конкретні особисті чи майнові питання, запитуюча Договірна Сторона дозволяє цій особі протягом певного періоду до передачі вирішити ці питання, у кожному конкретному випадку виходячи з конкретних ситуацій.

3. Особи, які підлягають реадмісії, мають право, відповідно до положень національного законодавства держави запитуючої Договірної Сторони, взяти з собою чи переправити в державу запитуваної Договірної Сторони будь-яке майно, у тому числі будь-які платіжні засоби, законно отримані під час перебування на території держави запитуючої Договірної Сторони.

Стаття 4
Процедури реадмісії

1. Запитувана договірна Сторона відповідає на запит щодо здійснення реадмісії осіб, які підлягають реадмісії, виданий запитуючою Договірною Стороною, протягом 45 днів після дати отримання такого запиту. Запитувана Договірна Сторона робить усе можливе, щоб коротити час надання відповіді на запит у разі, якщо запитуюча Договірна Сторона повідомляє запитуваній Договірній Стороні про те, що особа, яка підлягає реадмісії, поміщена в заклад, що знаходиться під охороною, або заарештована з метою здійснення депортації.

2. Запитуюча Договірна Сторона повідомляє запитувану Договірну Сторону про заплановану дату передачі особи, яка підлягає реадмісії, принаймні за 7 днів до настання цієї дати.

3. Запит щодо здійснення реадмісії відповідно до пункту 2 статті 1 подається запитуваною Договірною Стороною запитуючій Договірній Стороні протягом 90 днів з дати передачі відповідної особи запитуваній Договірній Стороні, за винятком випадків, коли ця особа на день передачі не мала громадянства держави запитуваної Договірної Сторони.

Стаття 5
Витрати

1. Усі витрати, пов'язані з перевезенням осіб, які підлягають реадмісії та які зазначені у статті 1, до пропускного пункту на кордоні запитуваної Договірної Сторони та усі витрати, пов'язані з реадмісією осіб, перевірка яких була здійснена неправильно та які були передані відповідно до пункту 2 статті 1, несе запитуюча Договірна Сторона.

2. Для того, щоб забезпечити ефективну імплементацію положень цієї Угоди, Договірні Сторони співпрацюють у сфері обміну експертами та досвідом, а також забезпечення навчання та надання організаційної, технічної і технологічної допомоги одна одній.

Стаття 6
Захист даних

1. Особисті дані, необхідні для виконання цієї Угоди, можуть включати:

a) особисту інформацію про особу, яка підлягає реадмісії, та, у разі необхідності, про членів її сім'ї, таку як прізвище, ім'я, попередні імена (якщо такі є), прізвиська або псевдоніми, інші імена (якщо такі є), дата та місце народження, стать, теперішнє(і) та можливе(і) попереднє(і) громадянство(а);

b) паспорт, посвідчення особи, інші документи для підтвердження та перевірки особистості, дозволи на перетинання кордону (кількість, дійсність, дата видачі, орган, що видав, місце видачі тощо);

c) іншу інформацію, що використовується для ідентифікації осіб, які підлягають реадмісії;

d) місця перебування та опис маршрутів переміщення;
e) видані дозволи на перебування або візу;

f) інші матеріали, які слугують для встановлення особи, якщо це є застосовним. Це могло б використовуватися для перевірки умов реадмісії осіб, які підлягають реадмісії, відповідно до цієї Угоди.

2. Передача особистих даних здійснюється відповідно до національного законодавства держав кожної з Договірних Сторін та відповідно до таких принципів:

a) особисті дані можуть використовуватися тільки для мети й відповідно до умов, які визначені органом, що передає;

b) на прохання органу, що передає, орган, що отримує, повідомляє орган, що передає, про мету використання наданих даних та досягнуті результати;

c) особисті дані можуть надаватись тільки компетентним органам та службам. Дані можуть надаватися іншим органам чи службам тільки за попередньої згоди органу, що передає;

d) орган, що передає, приділяє увагу точності даних, які передаються, а також потребі та відповідності їхньої передачі для запланованої мети. Орган, що передає, повинен дотримуватися заборони щодо передачі даних, передбаченої національним законодавством своєї держави. У разі передачі неправильних чи заборонених даних орган, що отримує, повинен негайно бути повідомлений та зобов'язаний виправити чи знищити такі дані;

e) орган, що передає, та орган, що отримує, документують факт передачі та отримання особистих даних;

f) орган, що передає, та орган, що отримує, ефективно захищають надані особисті дані від доступу не уповноважених осіб, зміни чи розкриття.

Стаття 7
Положення, що стосуються імплементації

1. Для імплементації положень цієї Угоди Договірні Сторони протягом 180 (ста вісімдесяти) днів з дати підписання цієї Угоди укладають Виконавчий протокол, в якому визначатимуться:

a) органи, відповідальні за виконання окремих положень цієї Угоди;

b) пункти передачі та прийняття громадян;

c) необхідні дані та інформація для передачі, прийняття та супроводження осіб, які підлягають реадмісії, та порядок виконання необхідних процедур.

2. Положення цієї Угоди не застосовуються до громадян держав однієї Договірної Сторони, які в'їхали на територію держави іншої Договірної Сторони до дати набуття чинності цією Угодою.

3. Положення цієї Угоди не впливають на будь-які права та зобов'язання кожної Договірної Сторони за будь-якими іншими міжнародними угодами, учасниками яких є держави Договірних Сторін.

Стаття 8
Набуття чинності

1. Ця Угода підлягає затвердженню або ратифікації відповідно до національного законодавства держави кожної з Договірних Сторін, які підтверджуються обміном дипломатичними нотами. Ця Угода набуває чинності після 30 днів з дати отримання останньої ноти, що підтверджує таке затвердження або ратифікацію.

2. Ця Угода укладається на невизначений період. Кожна Договірна Сторона може припинити дію цієї Угоди за допомогою повідомлення. У такому разі термін дії цієї Угоди закінчується після 90 днів з дати отримання повідомлення про припинення дії.

3. Договірні Сторони можуть за взаємної згоди вносити зміни до цієї Угоди у письмовому вигляді.

Стаття 9
Вирішення спорів

Будь-який спір щодо тлумачення чи виконання цієї Угоди

вирішується за допомогою консультацій між компетентними органами, визначеними у Виконавчому протоколі. У разі, якщо не може бути досягнуто згоди, спір вирішується дипломатичними каналами.

На посвідчення чого нижчепідписані, належним чином на те уповноважені, підписали цю Угоду.

Вчинено в в'єтнамською, українською та англійською мовами, причому всі тексти є автентичними, у двох дійсних примірниках. У разі розбіжностей у їхньому тлумаченні, текст, викладений англійською мовою, матиме переважну силу.

ЗА УРЯД СОЦІАЛІСТИЧНОЇ РЕСПУБЛІКИ В'ЄТНАМ

Фам За Кхієм
Віце-прем'єр-міністр,
Міністр закордонних справ

ЗА КАБІНЕТ МІНІСТРІВ УКРАЇНИ

А.Яценюк
Міністр закордонних справ

AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

AND

THE CABINET OF MINISTERS OF UKRAINE

ON

READMISSION OF CITIZENS OF BOTH STATES

The Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Cabinet of Ministers of Ukraine (hereinafter referred to as Contracting Parties),

Desiring to further the bilateral friendship and cooperation and to ensure more effective implementation of laws and regulations relating to the travel of citizens of both States,

With a view to preventing illegal migration,

On the basis of reciprocity,

Have agreed as follows:

Article 1
Readmission of citizens of both States

1. In accordance with the provisions of this Agreement and at the request of one Contracting Party, the other Contracting Party shall readmit persons who do not or no longer meet legal requirements of entry or stay in the territory of the State of the requesting Contracting Party (hereinafter referred to as returnees).

2. The requesting Contracting Party shall readmit immediately without any special procedure returnees who, upon competent authorities' verification, are not citizens of the State of the requested Contracting Party or fail to meet requirements provided in Article 2 of this Agreement.

Article 2
Eligibility and conditions for readmission

1. Each Contracting Party, in accordance with paragraph 1 of Article 1, shall readmit returnees who, upon verification, meet the following requirements:

a) Having the citizenship of the State of the requested Contracting Party, while simultaneously not having the citizenship of the State of the requesting Contracting Party or of any other State;

b) Had at any time, prior to their entry into the territory of the State of the requesting Contracting Party legal permanent residence in the territory of the State of the requested Contracting Party and do not have permanent residence in a third country;

c) Subject to a statutory effective deportation order in conformity with the laws of the State of the requesting Contracting Party.

2. If a returnee holds a valid permit for entry and stay in a third State, the requesting Contracting Party shall enable the returnee to leave for this State and shall refrain from transferring this person to the requested Contracting Party.

Article 3
Legitimate rights of the returnees

1. The hand-over and admission of returnees shall be arranged in conformity with the domestic legislation of the States of the Contracting Parties and international law and with the ensured principles of order, safety and dignity, taking into account the humanitarian aspects and family unity of returnees.

2. If a returnee presents the evidence that it is necessary for him/her to settle particular personal or property matters, the requesting Contracting Party, for a definite period of time, shall allow this person, prior to transferring, on case-by-case basis justified by specific situations, to settle these matters.

3. The returnees have the right, in accordance with the provisions of the national legislation of the State of the requesting Contracting Party, to take or to transfer to the State of the requested Contracting Party any property,

including any means of payment, legally acquired during the stay in the territory of the State of the requesting Contracting Party.

Article 4
Readmission procedures

1. The requested Contracting Party shall answer to a request for readmission of returnees issued by the requesting Contracting Party within 45 days from the date of receipt of such a request. The requested Contracting Party shall make its best efforts to shorten the response time in case the requesting Contracting Party notifies the requested Contracting Party that the returnee has been put in a guarded facility or under detention in order to be expelled.

2. The requesting Contracting Party shall notify the requested Contracting Party of the scheduled transfer date of a returnee at least 7 days prior to this date.

3. A request for readmission subject to paragraph 2 of Article 1 shall be filed by the requested Contracting Party to the requesting Contracting Party within 90 days from the transfer date of the person concerned to the requested Contracting Party, except when this person, on the transfer date, did not hold citizenship of the State of the requested Contracting Party.

Article 5
Costs

1. All transportation costs of the returnees specified in Article 1 to the border gate of the requested Contracting Party and all costs of readmission of persons wrongly verified and transferred in accordance with paragraph 2 of Article 1 will be borne by the requesting Contracting Party.

2. In order to ensure effective implementation of the provisions of this Agreement, the Contracting Parties shall cooperate in the field of exchange of experts and experience, and delivery of training and also organisational, technical and technological support to each other.

Article 6
Data protection

1. Personal data required for the implementation of this Agreement may include:

a) Personal information on the returnee and, if necessary, that of the members of his/her family, such as surname, first name, previous names (if any), nicknames or pseudonyms, other names (if any), date and place of birth, sex, present and possible previous citizenship(s);

b) Passport, identity card, other documents for identity confirmation and verification, border passes or other border-crossing authorizations (number, validity, date of issue, issuing authority, place of issue, etc.);

c) Other information used to identify the returnees;

d) Places of stay and description of the travel routes;

e) Issued permits of stay or a visa;

f) Other materials serving persons identification, if applicable, this could be used to check the terms and conditions of readmission of the returnees according to this Agreement.

2. The transfer of personal data shall be performed in accordance with the national laws of the States of each of the Contracting Parties and subject to the following principles:

a) Personal data may only be used for the purpose and subject to conditions specified by the transferring authority;

b) Upon request of the transferring authority the receiving authority shall notify the transferring authority of the method of using the provided data and achieved results;

c) Personal data may be provided only to competent authorities and services. The data may be provided to other authorities or services only upon a prior consent of the transferring authority;

d) The transferring authority shall pay attention to the exactness of the transferred data as well as the need and commensurability of their transferring for the intended purpose. The prohibitions of transferring data as permitted by the existing national laws of the State of the transferring authority must be observed. In the event of transferring the incorrect or prohibited data, the receiving authority should be immediately notified and is obliged to correct or destroy such data;

e) The transferring authority and the receiving authority shall document the fact of the transfer and receipt of personal data;

f) The transferring authority and the receiving authority shall effectively protect the provided personal data against access by unauthorized persons, change and disclosure.

Article 7
Implementation provisions

1. For the implementation of this Agreement's provisions, the Contracting Parties, within 180 (one hundred and eighty) days from the date of signing this Agreement, shall conclude the Executive Protocol, which shall define:

a) The bodies responsible for fulfillment of the separate provisions of this Agreement;

b) The points for transfer and admission of the citizens;

c) The necessary data and information for transfer, admission and escort of returnees and the order of the fulfillment of the necessary procedures.

2. The provisions of this Agreement shall not apply to the citizens of one Contracting Party who entered the territory of the State of the other Contracting Party before the date of entry into force of this Agreement.

3. The provisions of this Agreement do not affect any rights and obligations of each Contracting Party under any other international agreements, to which this Contracting Party is a party.

Article 8
Entry into force

1. This Agreement is subject to approval or ratification in accordance with the national laws of the State of each of the Contracting Parties, which shall be confirmed through the exchange of diplomatic notes. This Agreement shall enter into force after 30 days from the date of receipt of the later note confirming such approval or ratification.

2. This Agreement is concluded for an indefinite period of time. Each Contracting Party may terminate this Agreement by way of notification. In

such case this Agreement expires after 90 days from the date of receipt of the note of termination.

3. Both Contracting Parties may amend this Agreement in writing by mutual consent.

Article 9
Dispute settlement

Any dispute arising from the interpretation or implementation of this Agreement shall be settled by way of consultations between the competent authorities specified in the Executive Protocol. In case an agreement can not be reached, the dispute shall be resolved through the diplomatic channels.

In witness whereof the undersigned, being duly authorized thereto, have signed the present Agreement.

Done at New York on. 25 September 2007 in Vietnamese, Ukrainian and English languages, all texts being equally authentic, in two original copies. In case of any discrepancies in their interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

PHAM GIA KHIEM
Deputy Prime Minister
Minister of Foreign Affairs

FOR THE CABINET OF MINISTERS OF UKRAINE

A.YATSENYUK
Minister for Foreign Affairs